

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, về việc tranh chấp: “ KIỆN xin ly hôn ” giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ : Thôn S, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lục Văn T1 - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 55 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 6; 9; 19; 26 và điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận T ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Lục Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về hôn nhân:** Chị Bùi Thị T và anh Lục Văn T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Chị Bùi Thị T và anh Lục Văn T1, đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và cũng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản và các nghĩa vụ chung:** Chị Bùi Thị T và anh Lục Văn T1, đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Vợ chồng không có tài sản và công nợ gì nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

* **Về án phí:** Chị Bùi Thị T và anh Lục Văn T1 đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Chị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003322, ngày 15 tháng 10 năm 2019 nên chị được nhận lại số tiền 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Anh Lục Văn T1 không phải chịu DS-HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn